

THÔNG TIN GIẢI THÍCH CHI TIẾT VỀ CHUẨN ĐẦU RA CÁC CẤP HỌC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Nhà trường trân trọng thông tin chi tiết tới Quý Phụ huynh về việc áp dụng một chuẩn đầu ra tiếng Anh phù hợp với từng hệ đào tạo và từng trình độ của học sinh như đã công bố, cụ thể như sau:

Với Chương trình Song Ngữ: Tiểu học Song ngữ, THCS Song ngữ, THPT Song ngữ:

BẢNG 1

BẢNG QUY CHẾU CHUẨN TỐT NGHIỆP TIẾNG ANH VÀ CÁC MÔN QUỐC TẾ THEO TỪNG CẤP HỌC TẠI TRƯỜNG PTSNLC WELLSPRING									
CẤP HỌC	HỆ CHƯƠNG TRÌNH (LỚP)	CHUẨN CEFR ^(*)	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH THEO CHƯƠNG TRÌNH CỦA BỘ GD&ĐT (THEO KHUNG 6 BẬC ^(*))	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TẠI WELLSPRING (THEO CHUẨN CEFR)		CÁC BÀI THI CHUẨN HÓA TIẾNG ANH THEO CHUẨN KHẢO THI QUỐC TẾ		CÁC BÀI THI CHUẨN HÓA CÁC MÔN QUỐC TẾ KHÁC	
				THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÀI THI TIẾNG ANH CAMBRIDGE ^(**)	BÀI THI CỦA VIỆN KHẢO THI HOA KỲ (ETS) ^(**)	BẮT BUỘC TRONG CHƯƠNG TRÌNH	TỰ CHỌN THEO KHẢ NĂNG VÀ CÁC MÔN CHỌN LỌC
THPT	THPT SONG NGỮ (LỚP 12B)	C2							
		C1							
		B2		B2		IELTS (Academic) 4.5 - 8 điểm	TOEFL IBT 34-114 điểm	2 tín chỉ Toán Mỹ MUHigh với các lớp level từ A3 trở lên - Đại số I (Algebra I) (1 credit) - Hình học (Geometry) (1 credit)	SAT ^(***)
		B1	Bậc 3/6						Các tín chỉ MUHigh tự chọn học không nằm trong chương trình
		A2							
A1									
THCS	SONG NGỮ (LỚP 9)	C2							
		C1							
		B2				B1 Preliminary for Schools (PET) 140-170 điểm	TOEFL Junior 745-900 điểm	PSAT 8/9 (Maths and Reading) ^(***) IC3, MOS, Coding - Computer Science	
		B1	Bậc 2/6	B1					
		A2							
A1									
TIỂU HỌC	SONG NGỮ (LỚP 5)	C2							
		C1							
		B2			B2	A2 Flyer 10-15 khiên/ KET	TOEFL Primary Step 2 107-115 điểm/ TOEFL Junior	ERB Maths	
		B1							
		A2		A2					
A1	Bậc 1/6								

Lưu ý:

- Các bài thi bắt buộc theo chuẩn đầu ra tiếng Anh chỉ áp dụng với các học sinh đã học tối thiểu 03 năm tại trường Wellspring tính đến thời điểm áp dụng chuẩn
- Với mỗi môn học (Tiếng Anh/bài thi chuẩn hoá theo chương trình học), học sinh được thi một bài thi chuẩn hoá và cấp chứng chỉ vào cuối cấp/ chương trình. Chỉ phí bài thi (cho một lần thi) đã kèm trong học phí của năm học.
- (*) Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành ngày 24.1.2014 và tài liệu do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành về chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh dành cho cấp tiểu học (2010), Trung học cơ sở (2011) và Trung học phổ thông (2012).
- (**) Theo khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ (CEFR) tham khảo tại <https://www.coe.int/en/web/common-european-framework-reference-languages/level-descriptions> và thang quy đổi dùng cho bài thi Tiếng Anh Quốc Tế Cambridge (tham khảo <https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/cefr/>) và thang chuyển đổi bài thi của Viện Khảo Thi Giáo Dục Hoa Kỳ (ETS) (tham khảo <https://www.ets.org/s/toefl/newsletter/2011/17267/uk/comparison-tool.html>)
- (***) Tổ chức ngay tại Wellspring - thành viên, trung tâm khảo thí ủy quyền của College Board cho kỳ thi PSAT, SAT và AP mã TT 698099

1. Hết lớp 5:

=> **Mức thấp nhất:** Học sinh đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu là **bậc A2(*)**, tương đương với bài thi quốc tế **Cambridge Flyers** hoặc **TOEFL Primary tối thiểu 107 điểm/115 điểm** trở lên. Đây là mức tối thiểu đối với các học sinh xuất phát từ mức bắt đầu hoặc chưa có nhiều cố gắng trong quá trình học.

=> **Mức cao/cao nhất:** Học sinh có thể đạt đến **bậc B1**, tương đương với **bài thi Cambridge KET 140-150 điểm/150 điểm** và cao nhất là **bậc B2-**, tương đương với bài thi quốc tế **TOEFL Junior 750 điểm /900 điểm** trở lên.

2. Hết lớp 9:

=> **Mức thấp nhất:** Học sinh đạt trình độ tiếng Anh **tối thiểu là bậc B1**, tương ứng với bài thi quốc tế **Cambridge PET 140-159 điểm /170 điểm** hoặc **TOEFL Junior tối thiểu 740-745 điểm/900 điểm** đối với các học sinh xuất phát điểm thấp từ A1 khi bắt đầu lớp 6.

=> **Mức cao /cao nhất:** Học sinh có thể **đạt đến bậc B2**, tương ứng với bài thi **Cambridge PET mức 160 – 170 điểm / 170 điểm** và cao nhất đến **bậc C1-** tương ứng bài thi **TOEFL Junior mức 845 – 900 điểm/ 900 điểm** đối với các học sinh có xuất phát điểm từ lớp 6 đã là B1 và có cố gắng cao trong học tập.

- Hết lớp 12:

=> **Mức thấp nhất:** Học sinh đạt trình độ tiếng Anh **tối thiểu bậc B2-**, tương ứng với bài thi quốc tế **IELTS 4.5-5.5 điểm /9 điểm** hoặc **TOEFL iBT 34 – 59 điểm/120 điểm** đối với các học sinh có level xuất phát điểm từ cuối A2.

=> **Mức cao/cao nhất:** Học sinh có thể đạt trình độ **tối đa đến bậc C1+ đến C2** (bậc cao nhất của khung CEFR) tương ứng với một trong hai bài thi **IELTS 6.5 – 8.0 điểm/ 9 điểm** hoặc **TOEFL iBT từ 65 - 114 điểm/ 120 điểm**.

B. Với Chương trình THPT SONG BẰNG:

BẢNG 2

BẢNG QUY CHIẾU CHUẨN TỐT NGHIỆP TIẾNG ANH VÀ CÁC MÔN QUỐC TẾ CHƯƠNG TRÌNH THPT SONG BẰNG VIỆT NAM – HOA KỲ								
HỆ CHƯƠNG TRÌNH (LỚP)	CHUẨN CEFR ⁽¹⁾	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH THEO CHƯƠNG TRÌNH CỦA BỘ GIÁO DỤC (THEO KHUNG 6 BẬC ⁽²⁾)	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TẠI WELLSPRING (THEO CHUẨN CEFR)		CÁC BÀI THI CHUẨN HÒA TIẾNG ANH THEO CHUẨN KHẢO THÍ QUỐC TẾ		CÁC BÀI THI CHUẨN HÒA CÁC MÔN QUỐC TẾ KHÁC	
			THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÀI THI TIẾNG ANH CAMBRIDGE ⁽³⁾	BÀI THI CỦA VIỆN KHẢO THÍ HOA KỲ (ETS) ⁽⁴⁾	BẮT BUỘC TRONG CHƯƠNG TRÌNH	TỰ CHỌN THEO KHẢ NĂNG VÀ CÁC MÔN CHỌN HỌC
THPT SONG BẰNG VIỆT NAM - HOA KỲ (LỚP 12AD)	C2			C2	IELTS (Academic) 6.5-8.0 điểm	TOEFL iBT 79-114 điểm	9,5 tín chỉ các môn học MUHigh bao gồm: Nhóm môn Toán (Maths) - 2 credits: Algebra I, Geometry Nhóm môn Ngôn ngữ (English) - 2.5 credits: English 9, English 10, Information Literacy Nhóm môn Khoa học Tự nhiên (Natural Sciences) - 3 credits: Physical Science, Chemistry, Biology Nhóm môn Khoa học xã hội (Social Sciences) - 2 credits: History, Government, Economics	SAT ⁽⁵⁾ PSAT 9/10 ⁽⁶⁾ MOS, Coding - Computer Science Các tín chỉ lựa chọn khác bao gồm cả AP ⁽⁷⁾ tùy theo các môn học sinh chọn đăng ký thêm
	C1		C1					
	B2							
	B1	Bậc 3/5						
	A2							
	A1							

(Các lưu ý * vui lòng xem lại trang 2)

Học sinh có thể đạt trình độ **tối đa đến bậc C1+ đến C2** (bậc cao nhất của khung CEFR) tương ứng với một trong hai bài thi **IELTS 6.5 – 8 điểm/9 điểm** hoặc **TOEFL iBT từ 65 - 114 điểm/ 120 điểm**.

C. Với THPT QUỐC TẾ HOA KỲ:

BẢNG 3

- Hết THPT bậc 1 – hết 2 năm IGCSE: Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc C1 đến C2-, tương ứng với điểm (quy đổi) IELTS 6.5 - 8.0 điểm/ 9 điểm hoặc TOEFL iBT 79 – 114 điểm/120 điểm.
- Hết THPT bậc 2 – hết 2 năm MUHigh: Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc C1+ đến C2, tương ứng với một trong hai bài thi IELTS 6.5 - 8.5 điểm hoặc TOEFL iBT 79 – 117 điểm/120 điểm.

BẢNG QUY CHIẾU CHUẨN TỐT NGHIỆP TIẾNG ANH VÀ CÁC MÔN QUỐC TẾ CHƯƠNG TRÌNH THPT QUỐC TẾ HOA KỲ								
HỆ CHƯƠNG TRÌNH (LỚP)	CHUẨN CEFR TM	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH THEO CHƯƠNG TRÌNH CỦA BỘ GD&ĐT (THEO KHUNG 6 BẬC ¹⁾)	CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TẠI WELLSPRING (THEO CHUẨN CEFR)		CÁC BÀI THI CHUẨN HÒA TIẾNG ANH THEO CHUẨN KHẢO THÍ QUỐC TẾ		CÁC BÀI THI CHUẨN HÒA CÁC MÔN QUỐC TẾ KHÁC	
			THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÀI THI TIẾNG ANH CAMBRIDGE TM	BÀI THI CỦA VIỆN KHẢO THÍ HOA KỲ (ETS) TM	BẮT BUỘC TRONG CHƯƠNG TRÌNH	TỰ CHỌN THEO KHẢ NĂNG VÀ CÁC MÔN CHỌN HỌC
THPT QUỐC TẾ HOA KỲ	C2			C2	IELTS (Academic) 6.5-8.5 điểm	TOEFL iBT 79-117 điểm	Tối thiểu 9,0 tín chỉ các môn học MUHigh bao gồm: Nhóm môn Toán (<i>Maths</i>) - 2 credits: Algebra II; Precalculus Nhóm môn Ngôn ngữ (<i>English</i>) - 3.5 credits: English 9, English 10, Information Literacy, Foundations of Writing and Composition Nhóm môn Khoa học xã hội (<i>Social Sciences</i>) - 2 credits: History; Government; Economics Nhóm môn Nghệ thuật (<i>Fine Arts</i>) - 1 credit: Photography; Art Appreciation Nhóm môn Khoa học Sức khỏe (<i>Health Sciences</i>) - 0.5 credit: Healths	Các tín chỉ lựa chọn khác bao gồm cả AP TM tùy theo các môn học sinh chọn đăng ký thêm
	C1		C1					
	B2							
	B1	Bậc 3/6						
	A2							
	A1							
THPT BẬC 1 (2 NĂM CAMBRIDGE IGCSE)	C2				IELTS (Academic) 6.5-8.0 điểm (được quy đổi từ điểm ESL 5010 sang)		Tối thiểu 7 tín chỉ môn học theo chuẩn Cambridge IGCSE bao gồm: Maths 0580 - 1 award; ESL 0510 - 1 award; Coordinated Science 0654 - 2 awards; Global Perspectives 0457 - 1 award; Business Studies 0450 - 1 award; Computer Science 0478 - 1 award. 1 credit EFL (English 9 - MUHigh), 1 credit Maths (Algebra II - MUHigh)	Các tín chỉ lựa chọn thêm của MUHigh bao gồm cả Honor và AP TM
	C1			C1				
	B2							
	B1							
	A2							
A1								

(Các lưu ý * vui lòng xem lại trang 2)

Ghi chú:

- CDR tiếng Anh của tất cả các bậc đào tạo của trường Wellspring đều cao hơn từ 1-3 bậc so với chuẩn tiếng Anh quy định của Bộ GD&ĐT và có tính đến sự

phân hóa và khác biệt trong trình độ xuất phát điểm của học sinh và khả năng trong quá trình học;

- **CDR tiếng Anh của hầu hết học sinh lớp 12 đáp ứng các yêu cầu đầu vào của các trường ĐH thuộc các nước nói tiếng Anh – IELTS 6.5 (trừ một số học sinh xuất phát muộn từ mốc cuối A2 khi vào lớp 10 của Chương trình THPT Song Ngữ).**

- **Bắt đầu từ năm học 2019-2020, với mỗi môn học (Tiếng Anh/ bài thi chuẩn hoá theo chương trình học), học sinh được thi một (01) bài thi chuẩn hoá và cấp chứng chỉ vào cuối cấp (với CT THPT Quốc Tế Hoa Kỳ là cuối THPT bậc 2) mà không phải nộp thêm lệ phí thi (chỉ áp dụng cho một lần thi đầu tiên).**

- **Các bài thi bắt buộc theo CDR tiếng Anh ở trên chỉ áp dụng với các học sinh đã học tối thiểu 03 năm tại trường tính đến thời điểm áp dụng chuẩn.**

Đồng thời, chúng tôi cũng xin nhấn mạnh lại một lần nữa về thực tế là: việc học sinh thi đạt kết quả cụ thể như thế nào còn phụ thuộc rất lớn vào sự cố gắng của từng học sinh. Trên thế giới, không có bất kỳ một trường dù là phổ thông hay đại học, kể cả những trường hàng đầu thế giới cũng không trường nào đảm bảo là học sinh đủ tiêu chuẩn vào học là sẽ thi đỗ và sẽ tốt nghiệp. Trường cung cấp một chương trình học tốt và phù hợp nhất cho học sinh, còn học sinh có trách nhiệm cố gắng hoàn thành để đạt kết quả tốt nhất trong chương trình học của mình. Xin mời quý PHHS tham khảo về tỉ lệ vào học và tỉ lệ tốt nghiệp của Đại học Harvard – Hoa Kỳ (tỉ lệ cao nhất nước Mỹ) thường dao động từ 96-98% trong khi tỉ lệ trung bình trên toàn nước Mỹ là khoảng xung quanh 70% - <https://www.collegefactual.com/colleges/harvard-university/academic-life/graduation-and-retention>